TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **34/**2025/DS-ST
Ngày: 16/01/2025
V/v "*Tranh chấp đòi tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phan Thủy Uyên;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Ngọc Ánh;

2. Ông Nguyễn Văn Bé;

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Nguyễn Ái Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

Ngày 16 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 537/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2024 về việc *"Tranh chấp đòi tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 249/2024/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 231/2024/QĐST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh năm 1993;

Địa chỉ: ấp BT, xã TN, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Chị Lê Diễm H2, sinh năm 1993;

Địa chỉ: ấp TT, xã ATT, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

(Chị H1 có mặt, chị H2 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H1 trình bày:*

Chị và chị Lê Diễm H2 là bạn bè có quen biết nhau. Vào năm 2019 chị H2 có hỏi vay tiền chị nhiều lần. Đồng thời chị cũng bán thẻ cào điện thoại cho chị H2 mà chưa thu tiền. Chị H2 còn nợ chị tổng số tiền vay và tiền mua thẻ cào điện thoại là 34.130.000 đồng. Chị H2 có đưa chị giữ 01 bản chính Sổ Bảo hiểm xã hội số 8214013588 mang tên Lê Diễm H2 để làm tin. Đến ngày 30/3/2020 chị và chị H2 có đến công an xã Tân Hương để giải quyết việc nợ tiền và việc chị H1 mượn xe của chị H2. Chị đã trả xe cho chị H2 và chị H2 viết giấy nợ cho chị. Chị H2 có hứa mỗi tháng sẽ trả số tiền 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng không thực hiện.

Chị khởi kiện yêu cầu chị H2 trả số tiền nợ vay và tiền mua thẻ cào điện thoại là 34.130.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật. Chị tự nguyện trả lại chị H2 một bản chính Sổ Bảo hiểm xã hội số 8214013588 mang tên Lê Diễm H2.

Tại đơn khởi kiện trước đây chị có yêu cầu tính lãi với lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 30/3/2020 đến khi xét xử. Tại phiên hòa giải chị thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu chị H2 trả tiền nợ gốc, không yêu cầu tính lãi.

* Bị đơn chị Lê Diễm H2 vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 25/11/2024 chị H2 trình bày:

Chị có mượn chị H1 số tiền 10.000.000 đồng nhưng đến ngày 30/3/2020 chị H1 tính luôn tiền lãi từ 2019 cho đến 30/3/2020 là 34.130.000 đồng và yêu cầu chị viết Đơn mượn tiền tại công an xã Tân H2. Chị có ký tên và viết biên nhận ngày 30/3/2020. Nhưng do chị H1 và bạn trai lấy chiếc xe của chị, chị yêu cầu công an xã Tân Hương giải quyết thì chị H1 và mẹ có năn nỉ chị đừng thưa kiện, sẽ xóa bỏ khoản nợ này và chị đã nhận lại chiếc xe. Chị không có xé bỏ giấy nợ đã viết như trên. Từ đó đến nay chị H1 không có đòi chị số tiền này. Nay chị H1 khởi kiện yêu cầu chị trả số tiền trên cho chị H1 thì chị không đồng ý. Trường hợp Tòa án giải quyết buộc chị trả số tiền trên cho chị H1 thì chị chỉ đồng ý trả 34.130.000 đồng. Chị yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện, không đồng ý trả lãi. Chị yêu cầu chị H1 trả cho chị Sổ Bảo hiểm xã hội mà chị H1 đang giữ.

* *Tại phiên tòa:* Nguyên đơn chị H1 thay đổi yêu cầu khởi kiện về việc đòi lại tài sản, yêu cầu chị H2 trả số tiền nợ là 34.130.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật. Chị tự nguyện trả lại chị H2 01 bản chính Sổ Bảo hiểm xã hội số 8214013588 mang tên Lê Diễm H2. Bị đơn chị H2 vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc H1 thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp *"*Hợp đồng vay tài sản" và "Hợp đồng mua bán tài sản" được quy định tại Điều 430 và Điều 463 Bộ luật Dân Sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Căn cứ vào Đơn mượn tiền ngày 30/3/2020 có nội dung "Từ ngày 30/3/2020 đến ngày 01/4/2020 bắt đầu trả 2.000.000 đồng/tháng đến hết số tiền là 34.130.000 đồng" thì ngày bắt đầu vi phạm nghĩa vụ trả nợ là vào ngày 01/5/2020. Ngày 01/11/2024, Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang thụ lý vụ án. Xét quan hệ pháp luật đã hết thời hiệu khởi kiện về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản và Hợp đồng mua bán tài sản" nhưng vẫn còn thời hiệu khởi kiện đối với tranh chấp "Đòi lại tài sản" được quy định tại Điều 166 Bộ luật Dân Sự.

Bị đơn chị Lê Diễm H2 yêu cầu xem xét về thời hiệu, Hội đồng xét xử xét thấy thời hiệu khởi kiện về "Hợp đồng vay tài sản và Hợp đồng mua bán tài sản" không

còn, tuy nhiên nguyên đơn chị H1 vẫn được quyền khởi kiện vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 155 Bộ luật Dân Sự vì không áp dụng thời hiệu khởi kiện về yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị H1 thay đổi yêu cầu khởi kiện về việc đòi lại tài sản. Xét thấy việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Bị đơn chị Lê Diễm H2 cư trú tại ấp TT, xã ATT, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền xét xử của tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn chị Lê Diễm H2 đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Do quen biết nên năm 2019 chị H1 có cho chị H2 vay tiền nhiều lần. Đồng thời chị H1 cũng bán thẻ cào điện thoại cho chị H2 mà chưa thu tiền. Chị H2 còn nợ chị H1 tổng số tiền vay và tiền mua thẻ cào điện thoại là 34.130.000 đồng. Chị H2 có đưa chị H1 giữ 01 bản chính Sổ bảo hiểm xã hội số 8214013588 mang tên Lê Diễm H2 để làm tin. Đến ngày 30/3/2020 chị H1 và chị H2 có đến công an xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang để giải quyết việc nợ tiền và việc chị H1 mượn xe của chị H2. Chị H1 đã trả xe cho chị H2, còn chị H2 viết giấy nợ và hứa mỗi tháng sẽ trả cho chị H1 số tiền 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, phía nguyên đơn đã giao nộp 01 Đơn mượn tiền ngày 30/3/2020 có chữ ký của chị H2. Tại phiên tòa, chị H1 cũng xuất trình được bản chính của Sổ Bảo hiểm xã hội số 8214013588 mang tên Lê Diễm H2.

Tại bản tự khai ngày 25/11/2024 chị H2 trình bày chị có mượn tiền của chị H1. Số tiền 34.130.000 đồng là bao gồm nợ gốc và tiền lãi từ năm 2019 đến 30/3/2020. Chị H2 thừa nhận có ký tên vào Đơn mượn tiền ngày 30/3/2020 tại công an xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đây là sự kiện không cần chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị H2 trình bày chị H1 đã hứa xóa bỏ khoản nợ này để chị H2 không thưa kiện việc chị H1 lấy chiếc xe của chị. Chị H2 đã nhận lại xe. Tuy nhiên chị H2 không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình và không được nguyên đơn thừa nhận.

Do đó, có căn cứ xác định chị H2 còn nợ chị H1 số tiền 34.130.000 đồng nên cần buộc chị H2 có nghĩa vụ trả số tiền trên cho chị H1, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

[5] Đối với bản chính bản chính của Sổ Bảo hiểm xã hội số 8214013588 mang tên Lê Diễm H2 mà chị H1 đang giữ, chị H1 tự nguyện trả lại cho chị H2 khi án có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 35, 39, 92, 147, 227, 228, 235 và 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 166, 155, 357 và 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc H1.

Buộc chị Lê Diễm H2 có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc H1 số tiền 34.130.000 đồng (*Ba mươi bốn triệu một trăm ba mươi ngàn đồng*). Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Ghi nhận sự tự nguyên của chị Nguyễn Thị Ngọc H1 trả lại cho chị Lê Diễm H2 một bản chính Sổ Bảo hiểm xã hội số 8214013588 mang tên Lê Diễm H2 khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí: Chị Lê Diễm H2 phải chịu 1.706.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị Ngọc H1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.243.000 đồng theo biên lai thu số 0008152 ngày 29/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Phan Thủy Uyên